

Bản án số: **63/2023/HSST**
Ngày 28-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Ngọc**

Ông Nguyễn Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Cán bộ Tòa án nhân dân Q. Sơn Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Ông **Thái Hồng Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 05 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/HSST-QĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN PHÚ M**; sinh ngày: 04/8/1995; nơi sinh: TP. H; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện A, TP. H; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú H (SN:1963) và bà Trịnh Thị T (SN: 1970); gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba; Có vợ: Lê Thị Thanh T (SN: 1997), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27.02.2023 bị TAND TP. Hồ Chí Minh xử phạt 14 năm 06 tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” (Bản án số: 33/2023/HS-PT).

Bị cáo đang chấp hành chấp hành hình phạt 14 năm 06 tháng tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” tại Trại giam T, tỉnh L; *có mặt tại phiên tòa.*

- Người bị hại: Ông **Lê Văn Như K**, Sinh năm 1991. Trú tại số 05 V, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 8, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Ông **Phạm Minh N**, sinh năm 1983. Trú tại tổ 6, khu 5 phường H, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt.
- Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1986. Trú tại tổ 6, khu 5 phường H, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt.
- Ông **Đặng Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1988, Trú tại tổ 44, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Bà **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6 năm 2021, do cần tiền tiêu xài nên NGUYỄN PHÚ M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách sử dụng các loại giấy tờ tùy thân giả để thuê xe ô tô mang đi bán. Để thực hiện hành vi phạm tội, NGUYỄN PHÚ M sử dụng tài khoản facebook có tên “Phan Ngọc Đ” để đăng bài cần làm lại Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu. Sau đó có tài khoản facebook tên “Huỳnh Công T” liên hệ với M để nhận làm các loại giấy tờ này. Sau khi trao đổi, thống nhất thông qua ứng dụng Messenger, NGUYỄN PHÚ M đặt làm 01 Sổ hộ khẩu có tên chủ hộ là Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L với số tiền 3.500.000 đồng. Để làm các loại giấy tờ trên, NGUYỄN PHÚ M cung cấp các thông tin về sổ hộ khẩu của gia đình mình, thông tin của Nguyễn Phú L (em ruột M), ảnh chụp của M, đồng thời cung cấp địa chỉ, số điện thoại của mình cho tài khoản facebook tên “Huỳnh Công T”. Khoảng 03 ngày sau, thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh, NGUYỄN PHÚ M nhận được 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L và M thanh toán tiền cho nhân viên giao dịch vụ.

Sau đó, thông qua mạng xã hội, NGUYỄN PHÚ M đến gặp anh Lê Văn Như K để thuê xe ô tô. Khi gặp anh K, NGUYỄN PHÚ M giới thiệu mình tên là Nguyễn Phú L và đưa 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L để thuê xe ô tô. Sau khi kiểm tra các loại giấy tờ trên, anh K tin tưởng là thật nên đã đồng ý và lập hợp đồng cho NGUYỄN PHÚ M thuê 01 xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05, thời hạn thuê là 3 tháng với giá 10.000.000 đồng/tháng, M đặt cọc số tiền 5.000.000 đồng, đồng thời anh K chụp lại giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L và trả lại cho M các loại giấy tờ này, còn sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Phú H thì anh K giữ lại. Cùng lúc đó, anh K giao cho M 01 xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05, 01 giấy đăng kiểm của xe ô tô 43A-415.05, 01 bản pho to giấy đăng ký xe có công chứng.

Sau khi thuê được xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05 của anh Lê Văn Như K, NGUYỄN PHÚ M điều khiển về Thôn N, xã T, huyện A, TP. H. Khoảng 03 ngày sau, thông qua mạng xã hội chuyên thu mua xe ô tô không giấy tờ, NGUYỄN PHÚ M mang xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05 đến bán cho 01 người không rõ nhân thân lai lịch tại đường cao tốc ở tỉnh Hưng Yên (không xác định được địa chỉ cụ thể) với số tiền là 140.000.000 đồng. Số tiền bán xe, M sử dụng tiêu xài cá nhân hết, đồng thời nhắn tin cho anh K là bất định vị của xe hoặc liên hệ với số điện thoại 0971.966.222 (là số điện thoại của người mua xe) để lấy xe về. Sau đó, anh K đưa tin lên mạng xã hội để tìm xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05.

Đến tháng 8 năm 2021, anh Lê Văn T (Sinh năm 1989, trú tổ 8, khu 4, phường H, TP. H, tỉnh Q), thông qua mạng xã hội thấy có 01 người thanh niên, không rõ nhân thân, lai lịch ở tỉnh Hưng Yên đăng thông tin bán xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05 với giá từ 200 đến 300 triệu đồng nên anh T liên hệ để mua. Sau khi xem xe, anh T đồng ý mua xe ô tô này với giá 200 triệu đồng. Khi bán xe người thanh niên này có đưa cho anh T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05 và 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe. Đến tháng 12 năm 2021, do cần tiền nên anh T vay của anh Phạm Minh N (Sinh năm 1983, trú tổ 6, khu 5, phường Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) số tiền 200 triệu đồng và để lại xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05 cùng giấy tờ để làm tin. Đến ngày 02.01.2022, thông qua mạng xã hội, chị Hoàng Thị H (Sinh năm 1986, tổ 6, khu 5, phường Hà Lâm, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh – vợ của anh Phạm Minh N) biết anh K đang tìm xe nên đã liên hệ và báo cho anh K biết là xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05 đang được để tại lô đất trống của chị H tại TP Hạ Long và nói anh K mang giấy tờ đến để nhận.

Đến ngày 06.01.2022, anh K đến gặp anh Phạm Minh N và chị Hoàng Thị H để nhận xe. Tại đây, anh K đưa giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 43A – 415.05 để chứng minh mình là chủ sở hữu của xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05; anh Phạm Minh N cũng đưa ra 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 43A – 415.05 ra cho anh K xem. Sau khi xem xong, anh K nói giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 43A – 415.05 do anh N đưa ra là giả, vì khi cho thuê xe ô tô anh K chỉ giao giấy đăng ký xe bản pho to và bản gốc giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô. Sau đó, anh Phạm Minh N và chị Hoàng Thị H viết giấy bàn giao xe ô tô biển số 43A – 415.05 cho anh K.

Ngoài ra, trong khoảng tháng 11 năm 2021, cũng với cách thức như trên, NGUYỄN PHÚ M đã liên hệ với tài khoản facebook tên “Huỳnh Công T” để cung cấp thông tin và đặt làm giả 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ với giá 5.000.000 đồng nhằm mục đích để thuê xe ô tô của người khác mang đi bán nhưng chưa sử dụng và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

*** Tang vật thu giữ:** 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 sổ hộ khẩu số 212577448 có tên chủ hộ Nguyễn Phú H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089523 mang tên Lê Văn Như K; 01 chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân số 480630497 mang tên Nguyễn Phú L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số Imei 35672408853223, không có sim; 01 Hợp đồng thuê xe ô tô ghi ngày 12.7.2021 có chữ ký, ghi tên Lê Văn Như K và Nguyễn Phú L;

Tại Kết luận số: 55/KL-HĐĐGTS ngày 13.4.2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND TP Đà Nẵng xác định: 01 xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05 trị giá 492.926.200 đồng;

Tại Kết luận giám định số: 30/KLTL-KTHS ngày 04.5.2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ là giả; 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ là giả; Hình dấu tròn có nội dung: “CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI ★ CÔNG AN HUYỆN ĐÔNG ANH ★” trên sổ hộ khẩu số 212577448 có tên chủ hộ Nguyễn Phú H không phải do con dấu có hình dấu trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M9 đóng ra.

Tại Kết luận giám định số: 125/KLTL-KTHS ngày 17.11.2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089523 mang tên Lê Văn Như K, ký hiệu A1 so với Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 033366, ký hiệu M1 không phải do cùng một bản in ra. Giấy chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ, ký hiệu A2 và Giấy chứng minh nhân dân số 480630497 mang tên Nguyễn Phú L, ký hiệu A3 so với Giấy chứng minh nhân dân số 201201894 mang tên Nguyễn Thanh S, ký hiệu M2 không phải do cùng một bản in ra.

Tại Bản cáo trạng số 46/CT- VKSCL ngày 15/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng truy tố NGUYỄN PHÚ M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b, c khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt NGUYỄN PHÚ M từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 3 Điều 341; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt NGUYỄN PHÚ M từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.
- Áp dụng Điều 56 BLHS để tổng hợp với hình phạt 14 năm 06 tháng tù tại Bản án số: 33/2023/HS-PT ngày 27.02.2023 của TAND TP Hồ Chí Minh

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số Imei 35672408853223, không có sim là công cụ bị cáo sử dụng để đặt làm giả các loại tài liệu và dùng liên lạc bán xe ô tô mang biển kiểm soát 43A-415.05 nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 sổ hộ khẩu số 212577448 có tên chủ hộ Nguyễn Phú H; 01 chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân số 480630497 mang tên Nguyễn Phú L ; 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 Hợp đồng thuê xe ô tô ghi ngày 12.7.2021 có chữ ký, ghi tên Lê Văn Như K và Nguyễn Phú L là vật chứng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ;

*** Về trách nhiệm dân sự:**

- Đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho anh Lê Văn Như K tiền thuê xe từ ngày 12.7.2021 đến ngày 05.01.2022 là 50.000.000 đồng;

- Đề nghị HĐXX tuyên buộc Lê Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Minh N số tiền đã vay mượn là 200.000.000 đồng.

Bị cáo NGUYỄN PHÚ M nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo NGUYỄN PHÚ M, lời khai của người bị hại, quan điểm luận tội của đại diện VKS cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, trong thời gian khoảng tháng 6 và tháng 11 năm 2021, thông qua mạng xã hội Facebook, NGUYỄN PHÚ M đã cung cấp thông tin cho người không rõ nhân thân, lai lịch làm giả các loại giấy tờ gồm 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L, 02 giấy phép lái xe hạng C, mang tên Phan Ngọc Đ; 01 căn cước công dân mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Ngọc Đ. Sau khi có được các loại giấy tờ giả trên, ngày 12.7.2021, tại phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, NGUYỄN PHÚ M đã sử dụng 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Phú L và đưa ra thông tin gian dối mình tên là Nguyễn Phú L để thuê xe ô tô hiệu Kia Careto, màu trắng, mang biển kiểm soát 43A-415.05 trị giá 492.926.200 đồng của anh Lê Văn Như K và mang đi bán lấy số tiền 140.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cá nhân.

Hành vi trên của bị cáo NGUYỄN PHÚ M đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b, c Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, truy tố bị cáo về 2 tội gồm: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà cũng xác định bị cáo cả 02 hành vi: làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhưng lại truy tố chung trong 01 tội theo Điều 341 Bộ luật hình sự và đề nghị chung một khung hình phạt là từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. HĐXX thấy rằng nội dung của Điều 341 là quy định 2 tội ghép chung trong 1 điều luật là tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” chứ không phải là ghép 2 hành vi: làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng một tội và đề nghị chung 01 hình phạt (từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù). Mặt khác, xét thấy hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi gian dối đã là yếu tố, là điều kiện cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự nên không thể xem xét xử lý bị cáo thêm về tội “*sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Do đó HĐXX chỉ xét xử bị cáo về 02 tội: Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo đã 02 lần cung cấp thông tin làm giả 06 loại giấy tờ và gian dối dùng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản trị giá 492.926.200 đồng của người bị hại, sau đó mang mang đi bán thu lợi với số tiền 140.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; Xâm phạm đến trật tự quản hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn trị an xã hội. Đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo 02 lần cung cấp thông tin làm giả các loại giấy tờ gồm 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Phú H, 01 giấy chứng minh mang tên Nguyễn Phú L, 01 giấy phép lái xe hạng 02 giấy phép lái xe hạng C, mang tên Phan Ngọc Đ; 01 căn cước công dân mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phan Ngọc Đ vào tháng 6 và tháng 11 năm 2021 nên thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở lên theo điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự;

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho anh Lê Văn Như K tiền thuê xe từ ngày 12.7.2021 đến ngày 05.01.2022 là 50.000.000 đồng;

Buộc Lê Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Minh N số tiền đã vay mượn là 200.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số Imei 35672408853223, không có sim là công cụ bị cáo sử dụng để bán xe ô tô mang biển kiểm soát 43A-415.05.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 sổ hộ khẩu số 212577448 có tên chủ hộ Nguyễn Phú H; 01 chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân số 480630497 mang tên Nguyễn Phú L; 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 Hợp đồng thuê xe ô tô ghi ngày 12.7.2021 có chữ ký, ghi tên Lê Văn Như K và Nguyễn Phú L là vật chứng của vụ án.

[8] Đối với các vấn đề khác:

- Anh Lê Văn T không biết xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05 là do phạm tội mà có, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089523 mang tên Lê Văn Như K là giả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Anh Phạm Minh N khi nhận cầm cố không biết xe ô tô hiệu Kia Careto, biển kiểm soát 43A-415.05 là do phạm tội mà có, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089523 mang tên Lê Văn Như K là giả và đã nhận cầm cố nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là đúng quy định.

- Đối với số điện thoại 0971.966.222, ngày 09.8.2022 Cơ quan CSĐT CA TP Đà Nẵng có Công văn số: 2901/VPCQCSĐT yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội phối hợp cung cấp thông tin nhưng đến nay chưa có kết quả nên tách ra để xử lý sau.

- Đối với tài khoản facebook tên “Huỳnh Công T” và người nhận làm các loại giấy tờ giả cho NGUYỄN PHÚ M, hiện do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Sơn Trà tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 089523 mang tên Lê Văn Như K, hiện chưa xác định người làm giả nên tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt cho bị cáo đối với từng tội danh tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Về án phí dân sự: Bị cáo NGUYỄN PHÚ M phải chịu 2.000.000 đồng.

Ông Lê Văn T phải chịu 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN PHÚ M phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt NGUYỄN PHÚ M **08 (Tám) năm tù**.

2.2 Căn cứ điểm a, b, c khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt NGUYỄN PHÚ M **04 (Bốn) năm tù**.

2.3 Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 2 tội, buộc bị cáo NGUYỄN PHÚ M phải chấp hành hình phạt là **12 (Mười hai) năm tù**.

Căn cứ 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt **14 (Mười bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù** về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo bản án số: 33/2023/HS-PT ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo NGUYỄN PHÚ M phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **26 (Hai mươi sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho anh Lê Văn Như K tiền thuê xe từ ngày 12.7.2021 đến ngày 05.01.2022 là 50.000.000 đồng.

- Buộc Lê Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Minh N số tiền đã vay mượn là 200.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số Imei 35672408853223, không có sim là công cụ bị cáo sử dụng để bán xe ô tô mang biển kiểm soát 43A-415.05.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 căn cước công dân số 017093005341 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 sổ hộ khẩu số 212577448 có tên chủ hộ Nguyễn Phú H; 01 chứng minh nhân dân số 113588351 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 chứng minh nhân dân số 480630497 mang tên Nguyễn Phú L ; 02 giấy phép lái xe hạng C, số 990204003740 mang tên Phan Ngọc Đ; 01 Hợp đồng thuê xe ô tô ghi ngày 12.7.2021 có chữ ký, ghi tên Lê Văn Như K và Nguyễn Phú L là vật chứng của vụ án.

5. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo NGUYỄN PHÚ M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Bị cáo NGUYỄN PHÚ M phải chịu 2.000.000 đồng.

Ông Lê Văn T phải chịu 10.000.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Công an quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung